

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNST

Ngày: 29/9/2022

V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tr**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Kim L**

2. Bà **Nguyễn Trường H**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Tr** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 394/2022/TLST-HN ngày 06 tháng 7 năm 2022. Về việc: "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 792/2022/QĐST-HN ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Hải A** sinh ngày 28/01/1979 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 64, Ngô Đức Kế, phường T, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: 01Bis, Điện Biên Phủ, phường T, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tr** sinh ngày 07/01/1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 8/32, Nguyễn Đình Chiểu, phường T, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Ông và bà T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2005 tại UBND phường A, quận N, thành phố C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Tuy nhiên những năm gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa thuận được. Ông và bà T ly thân 05 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.
- Về con chung: Ông bà có 01 con chung Lê Trung Q sinh ngày 03/02/2007, đang ở với mẹ. Ông thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành. Được quyền thăm và chăm sóc con thường xuyên.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh K.

- *Về sự vắng mặt các đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tr có đăng ký thường trú tại số 8/32, Nguyễn Đình Chiểu, phường T, quận N, thành phố C. Tòa án tổng đạt cho bị đơn thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông A và bà T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường A, quận N, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/5/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên những năm gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc. Ông và bà T ly thân 05 năm nay. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hoà giải nhưng bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án nên không ghi nhận được ý

kiến của bà T đối với quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông A và bà T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên thống nhất cho ông A ly hôn với bà T theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Ông bà có 01 con chung Lê Trung Q sinh ngày 03/02/2007. Ông A thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy bà T là người trực tiếp nuôi con từ khi sinh ra đến nay. Sau khi ông A và bà T ly thân cháu Q sống cùng bà T cho đến nay, bà T nuôi dưỡng cháu Q bảo đảm sự phát triển bình thường. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu Q là được sống cùng với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A giao cho bà T được trực tiếp nuôi con chung trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung*: Căn cứ đơn khởi kiện ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của bà T đối với vấn đề cấp dưỡng. Xét để đảm bảo điều kiện sống và đảm bảo sức khỏe, sự phát triển tâm lý cho cháu Q. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q là 1.500.000 đồng/tháng của ông A. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q là 1.500.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Con chưa thành niên các bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nên dành quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông A không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Ông A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, do xét xử vắng mặt bà T và ông A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Ông A trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Hải A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0000723 ngày 28/6/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự quận N đã thu sang thành án phí.

[4] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Hải A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho ông Lê Hải A được ly hôn với ông bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Trung Q sinh ngày 03/02/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lê Hải A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Lê Trung Q đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông Lê Hải A không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Lê Hải A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0000723 ngày 28/6/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự quận N đã thu sang thành án phí.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Ông Lê Hải A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố C;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tr